

Số: 753 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 5 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh danh mục dự án và kế hoạch phân bổ  
vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh năm 2020 thực hiện  
Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020; số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; 1706/QĐ-TTg ngày 29/11/2019 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh khóa XII – kỳ họp thứ 17 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch danh sách xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 và phân khai chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới;*

*Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1396/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ khởi công mới năm 2020 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi; số 1778/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ khởi công mới năm 2020 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới*

tỉnh Quảng Ngãi; số 2124/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phân khai kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020;

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 108/HĐND-KTNS ngày 19/5/2020; đề nghị của UBND huyện Bình Sơn tại Công văn số 3300/UBND-NNTN ngày 17/12/2019, số 371/UBND-NNTN ngày 27/02/2020, số 638/UBND-NNTN ngày 25/3/2020; UBND huyện Sơn Hà tại Tờ trình số 07/TTr-UBND ngày 17/02/2020; UBND huyện Ba Tơ tại Công văn số 381/UBND ngày 24/3/2020, số 429/UBND ngày 01/4/2020; UBND huyện Lý Sơn tại Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 24/3/2020 và đề xuất của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 615/TTr-SKHĐT ngày 25/4/2020.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh danh mục dự án và kế hoạch phân bổ vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh năm 2020 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới như phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** UBND các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Sơn Hà, Ba Tơ và Lý Sơn chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, chỉ đạo UBND các xã, đơn vị trực thuộc khẩn trương triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định, hoàn thành kế hoạch được giao, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 25/9/2019; Quyết định số 1778/QĐ-UBND ngày 22/11/2019; Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh không điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực theo các quyết định hiện hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chánh Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Bình Sơn, Sơn Hà, Ba Tơ và Lý Sơn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), KT, TH, CB-TH;
- Lưu:VT, NN-TNtv128.

CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng

**PHỤ LỤC**  
**ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2020**

**THỦ TỤC ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

*(Kèm theo Quyết định số: 753 /QĐ-UBND ngày 25/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

ĐVT: Triệu đồng



Danh mục dự án UBND tỉnh đã phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 và QĐ 1778/QĐ-UBND ngày 22/11/2019; phân bổ kế hoạch vốn tại QĐ số 2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2019

Danh mục dự án và kế hoạch vốn đầu tư năm 2020 điều chỉnh, bổ sung

T	HUYỆN, XÃ, DANH MỤC DỰ ÁN	Quy mô	Tổng mức đầu tư (triệu đ)	Trong đó:				Kế hoạch vốn năm 2020				Ghi chú							
				Vốn NSTW và vốn tỉnh	Vốn huyện, xã, vốn khác	Tổng số	Ngân sách tỉnh và XSKT	Ngân sách trung ương (trong nước)	Ngân sách trung ương (Vốn nước ngoài)	Vốn NSTW và vốn tỉnh	Vốn huyện, xã, vốn khác		Tổng số	Ngân sách tỉnh và XSKT	Ngân sách trung ương (trong nước)	Ngân sách trung ương (Vốn nước ngoài)			
	<b>TỔNG CỘNG</b>		11.560	8.902	2.658	7.802	700	500	6.602	<b>TỔNG CỘNG</b>		10.635	8.302	2.333	7.802	700	500	6.602	
I	H. BÌNH SON		4.960	3.422	1.538	3.422	0	500	2.922	H. BÌNH SON		4.823	3.422	1.401	3.422	0	500	2.922	
I	Xã Bình Long		820	410	410	0	0	410	410	Xã Bình Long		820	410	410	410	0	0	410	
	D. thôn: Tuyến cầu Tre - cầu Kênh	500m	820	410	410			410	410	D. thôn: Tuyến nhà Nguyễn Nhân - nhà Phạm Kí	580m	820	410	410	410			410	
2	Xã Bình Đông		3.140	2.512	628	2.512	0	0	2.512	Xã Bình Đông		3.140	2.512	628	2.512	0	0	2.512	
	Trạm biến áp KDC số 3, thôn Thượng Hòa	1 trạm	980	784	196	784			784	Công trình cấp nước sinh hoạt thôn		1.280	1.024	256	1.024			1.024	



	Dường dây 0,4KV từ nhà bà Nguyễn Thị Bài đến nhà ông Huỳnh Phước, thôn Thượng Hòa	300 m	360	288	72	288			288	Dường dây 0,4KV từ nhà bà Nguyễn Thị Bài đến nhà ông Huỳnh Phước, thôn Thượng Hòa	206 m	400	320	80	320			320
	Dường dây 0,4KV từ nhà ông Nguyễn Thanh Hương đến nhà ông Nguyễn Châu, thôn Thượng Hòa	300 m	360	288	72	288			288	Dường dây 0,4KV từ nhà ông Nguyễn Thanh Hương đến nhà ông Nguyễn Châu, thôn Thượng Hòa	134 m	230	184	46	184			184
3	Xã Bình Tân		1.000	500	500	500	0	500	0	Xã Bình Tân Phú		863	500	363	500	0	500	0
	Nghĩa trang nhân dân xã Bình Tân		1.000	500	500	500		500		Đ. thôn: Tuyến xóm Ba, thôn Liêm Quang - thôn Phú Nhiêu (gđ 2)	360 m	520	260	260	260			260
										Đ. xã: Tuyến Tỉnh Phong - Tỉnh Hòa (đoạn còn lại qua xã Bình Tân Phú)	170 m	343	240	103	240			240

II	H. SON HÀ	4.600	3.680	920	3.680	0	0	3.680	H. SON HÀ	4.312	3.680	632	3.680	0	0	3.680
1	Xã Sơn Hạ Trạm biển áp xóm Nham, thôn Đèo Gió	2.000	1.600	400	1.600	0	0	1.600	Xã Sơn Hạ Đ. thôn: Tuyên ngã ba mẹ Hiền (Trường Ka) - Suối Riêng, thôn Kà Tu	2.000	1.600,0	400	1.600	0	0	1.600
		1.000	800	200	800			800	800 m	1.000	800,0	200	800			800
	Trạm biển áp xóm Cà Nục, thôn Đèo Gió	1.000	800	200	800			800	750 m	1.000	800,0	200	800			800
2	Xã Sơn Hải	1.300	1.040	260	1.040	0	0	1.040	Xã Sơn Hải	1.156	1.040	116	1.040	0	0	1.040
	Đ. thôn: Tuyên xóm Cà Rành - Làng Trắng	1.300	1.040	260	1.040			1.040	Đ. xã: Tuyên Làng Lành - Làng Rà (nói tiếp)	1.156	1.040	116	1.040			1.040
3	Xã Sơn Trung	1.300	1.040	260	1.040	0	0	1.040	Xã Sơn Trung	1.156	1.040	116	1.040	0	0	1.040
	Đ. thôn: Tuyên Bà Dâu - Mang Cảnh	1.300	1.040	260	1.040			1.040	Đ. xã: Tuyên Làng Đèo - Làng Trùm (nói tiếp)	1.156	1.040	116	1.040			1.040
V	H. BA TO	2.000	1.800	200	700	0	0	0	H. BA TO	1.500	1.200	300	700	700	0	0
1	Xã Ba Chùa	2.000	1.800	200	700	0	0	0	Xã Ba Đình	1.500	1.200	300	700	700	0	0
	Sân vận động xã	2.000	1.800	200	700	700	700	700	Đ. thôn: Tuyên QL 24 (km34+900) - tổ 4 Đông Đình	1.500	1.200	300	700	700	0	0

Một  
phần  
xã Ba  
Chùa  
sắp  
nhập  
vào  
xã Ba  
Đình,  
phần  
còn  
lại  
nhập  
và thi  
trần  
Ba  
To

2	Xa Ba Cung		8.860	7.668	1.192.	3.948	1.500	2.448	0	Xa Ba Cung		7.920	6.916	1.004	3.948	1.500	2.448	0	
	D.thôn: Tuyên nhà ông Phạm Văn Pin đến nhà ông Phạm Văn Cường	700m	1.260	1.008	252	1.008		1.008		D.thôn: Tuyên nhà ông Phạm Văn Pin đến nhà ông Phạm Văn Cường	700 m	970	776	194	776		776		
	D.thôn: Tuyên nhà ông Phạm Văn Bảy đến nhà ông Phạm Văn Bông	1000 m	1.800	1.440	360	1.440		1.440		D.thôn: nhà Tuyên nhà ông Phạm Văn Bảy đến nhà ông Phạm Văn Bông	100 0m	1.150	920	230	920		920		
	Trường MN Ba Cung, hàng mục: 04 phòng học, tường rào		3.600	3.240	360	900	900			Trường Mầm non Ba Cung: 4 phòng học, tường rào		3.600	3.240	360	1.352	900	452		
	Sân vận động xã Ba Cung		2.200	1.980	220	600	600			Sân vận động xã Ba Cung		2.200	1.980	220	900	600	300		
VI	H. LÝ SON		7.000	5.400	1.600	2.800	1.000	1.800	0	H. LÝ SON		7.000	5.400	1.600	2.800	1.000	1.800	0	
I	Xã An Hải		3.000	1.800	1.200	1.800	0	1.800	0	UBND huyện Lý Sơn		3.000	1.800	1.200	1.800	0	1.800	0	
	Mương thoát nước khu Trại dân 773 thôn Đông	400m	3.000	1.800	1.200	1.800		1.800		Mương thoát nước khu Trại dân 773 thôn Đông	400 m	3.000	1.800	1.200	1.800		1.800		
2	Xã An Vĩnh		4.000	3.600	400	1.000	1.000	0	0	UBND huyện Lý Sơn		4.000	3.600	400	1.000	1.000	0	0	
	Trường Mầm non An Vĩnh: hàng mục: Nhà hành chính - Quán trí		4.000	3.600	400	1.000	1.000	0	0	Trường Mầm non An Vĩnh: hàng mục: Nhà hành chính - Quán trí		4.000	3.600	400	1.000	1.000	0	0	

Diện  
chính  
chủ  
đầu  
tư từ  
UBND  
D các  
xã  
sang  
UBND  
D  
huyện

